

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HỒ CHÍ MINH

Số: 5591/TB-TB07-CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2015

TRƯỞNG CỤC KT. LÝ TỰ TRỌNG

CV
ĐẾN

Số: 1003

Ngày: 11/11/2015

Chuyên:

Lưu hồ sơ

THÔNG BÁO

Tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp

Kq: Phòng KHTC NL
bao cáo HTCơ quan thuế thông báo đến: Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng
Thành Phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0302483515

Địa chỉ nhận thông báo: 390 Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình,
TP Hồ Chí Minh

Căn cứ dữ liệu tại cơ quan thuế về tình hình kê khai và nộp thuế vào
ngân sách nhà nước, Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng Thành Phố Hồ
Chí Minh chưa nộp đủ số tiền thuế, tiền phạt và tiền chậm nộp (sau đây gọi
chung là số tiền) như sau:

1. Tổng số tiền chưa nộp NSNN tính đến ngày 31 tháng 08 năm 2015 là:
571.166.873 đồng. Trong đó:

1.1. Số tiền chưa nộp NSNN tính đến ngày 31 tháng 07 năm 2015 là:
571.166.873 đồng, trong đó:

- Số tiền thuế, tiền phạt: 0 đồng.

- Số tiền chậm nộp: 571.166.873 đồng.

1.2. Số tiền phát sinh từ ngày 01/08/2015 đến ngày 31/08/2015 chưa nộp
NSNN là: 0 đồng, trong đó:

- Số tiền thuế, tiền phạt: 0 đồng.

- Số tiền chậm nộp: 0 đồng.

2. Số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế là: 571.166.873
đồng.

Đề nghị người nộp thuế nộp ngay số tiền nêu tại điểm 1 vào NSNN.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế theo
địa chỉ: 63 Vũ Tông Phan, An Phú, 2, TP Hồ Chí Minh

Bộ phận liên hệ: Phòng Kiểm tra thuế số

Số điện thoại: ...

Nơi nhận:

- Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng Thành Phố Hồ Chí Minh;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu VT, bộ phận phát hành thông báo.

534228

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Lê Xuân Dương

BẢNG KÊ CHI TIẾT
SỐ TIỀN THUẾ NỢ, TIỀN PHẠT VÀ TIỀN CHẬM NỘP

(Kèm theo thông báo số/TB-TB07-CT, ngày .../.../...)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. TỔNG SỐ TIỀN CHƯA NỘP TÍNH ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 07 NĂM 2015

2. Số tiền chậm nộp

Khoản thuế	Tiêu mục	Số tiền nợ bị tính chậm nộp	Hạn nộp nợ gốc	Tính tiền chậm nộp		Tỷ lệ tính tiền chậm nộp	Số tiền chậm nộp	Số tiền chậm nộp chưa nộp NSNN đến thời điểm tháng 07
				Từ ngày	Đến ngày			
a	b	c	d	e	f	g	$h=((f-e)+1)*c*g$	i
Tiền chậm nộp (CN)	4254	6.000.000	03.01.2015	04.01.2015	22.01.2015	0,05	57.000	57.000
Thuế thu nhập cá nhân - Khấu trừ (TNCN)	1001	502.439.863	31.03.2011				304.378.069	304.378.069
				01.04.2011	28.09.2013	0,05	30.291.650	
				01.04.2011	28.09.2013	0,05	198.820.928	
				29.09.2013	30.04.2014	0,07	9.951.073	
				29.09.2013	30.04.2014	0,07	65.314.418	
Thuế thu nhập cá nhân - Khấu trừ (TNCN)	1001	103.028.617	31.03.2011				48.639.810	48.639.810
				01.04.2011	28.09.2013	0,05	46.981.049	
				29.09.2013	21.10.2013	0,07	1.658.761	
Thuế thu nhập cá nhân - Khấu trừ (TNCN)	1001	192.775.362	31.03.2011				115.973.658	115.973.658
				01.04.2011	28.09.2013	0,05	87.905.565	
				29.09.2013	24.04.2014	0,07	28.068.093	
Thuế thu nhập cá nhân - Khấu trừ (TNCN)	1001	6.616.148	31.03.2011				3.563.457	3.563.457
				01.04.2011	28.09.2013	0,05	3.016.963	
				29.09.2013	24.01.2014	0,07	546.494	
Thuế thu nhập cá nhân - Khấu trừ (TNCN)	1001	15.172.589	31.03.2011	01.04.2011	20.02.2013	0,05	5.249.716	5.249.716
Thuế thu nhập cá nhân - Khấu trừ (TNCN)	1001	9.319.633	31.03.2011	01.04.2011	20.12.2012	0,05	2.935.684	2.935.684
Thuế thu nhập cá nhân - Khấu trừ (TNCN)	1001	57.098.676	31.03.2011	01.04.2011	20.11.2012	0,05	17.129.603	17.129.603
Thuế thu nhập cá nhân - Khấu trừ (TNCN)	1001	114.876.789	31.03.2011	01.04.2011	17.10.2012	0,05	32.510.131	32.510.131

Khoản thuế	Tiểu mục	Số tiền nợ bị tính chậm nộp	Hạn nộp nợ gốc	Tính tiền chậm nộp		Tỷ lệ tính tiền chậm nộp	Số tiền chậm nộp	Số tiền chậm nộp chưa nộp NSNN đến thời điểm tháng 07
				Từ ngày	Đến ngày			
a	b	c	d	e	f	g	$h=((f-c)+1)*c*g$	i
Thuế thu nhập cá nhân - Khấu trừ (TNCN)	1001	61.358.450	31.03.2011	01.04.2011	19.07.2013	0,05	25.801.228	25.801.228
Thuế thu nhập cá nhân - Khấu trừ (TNCN)	1001	502.439.863	31.03.2011	01.05.2014	31.05.2014	0,07	10.902.945	10.902.945
Thuế thu nhập cá nhân - Khấu trừ (TNCN)	1001	731.922.100	20.03.2014	21.03.2014	31.03.2014	0,05	4.025.572	4.025.572
Tổng cộng								571.166.873

III. SỐ TIỀN QUÁ HẠN PHẢI THỰC HIỆN CƯƠNG CHẾ NỢ THUẾ

Khoản thuế	Tiểu mục	Số tiền thuế còn nợ	Hạn nộp	Trường hợp bị cưỡng chế
1	2	3	4	5
Tiền chậm nộp (CN)	4272	57.000	31.01.2015	Khoản nợ đã quá hạn 90 ngày
Phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế TNCN	4268	10.902.945	31.05.2014	Khoản nợ đã quá hạn 90 ngày
Phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế TNCN	4268	4.025.572	31.05.2014	Khoản nợ đã quá hạn 90 ngày
Phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế TNCN	4268	304.378.069	30.04.2014	Khoản nợ đã quá hạn 90 ngày
Phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế TNCN	4268	48.639.810	30.04.2014	Khoản nợ đã quá hạn 90 ngày
Phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế TNCN	4268	115.973.658	30.04.2014	Khoản nợ đã quá hạn 90 ngày
Phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế TNCN	4268	3.563.457	30.04.2014	Khoản nợ đã quá hạn 90 ngày
Phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế TNCN	4268	5.249.716	30.04.2014	Khoản nợ đã quá hạn 90 ngày
Phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế TNCN	4268	2.935.684	30.04.2014	Khoản nợ đã quá hạn 90 ngày
Phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế TNCN	4268	17.129.603	30.04.2014	Khoản nợ đã quá hạn 90 ngày
Phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế TNCN	4268	32.510.131	30.04.2014	Khoản nợ đã quá hạn 90 ngày
Phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế TNCN	4268	25.801.228	30.04.2014	Khoản nợ đã quá hạn 90 ngày
Tổng cộng		571.166.873		